

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **64/2018/HS-PT**

Ngày 23-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Đình Thắng**

Ông **Bùi Trọng Danh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2018/HSPT ngày 27/02/2018 đối với bị cáo Lê Tấn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

-Bị cáo có kháng cáo:

Lê Tấn T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1991 tại thành phố Đà Nẵng ; Nơi cư trú: Tổ 45A (cũ) (Tổ 53 mới) phường B, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Huy H (1962) và bà Đinh Thị L (1962), gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 26/5/2017 bị Công an phường B, quận Liên Chiểu xử phạt hành chính 750.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h00' và 21h30' ngày 21/9/2017, Hồ Thanh N, Nguyễn Văn T1 đã lần lượt mua của Lê Tấn T ma túy đá với giá 500.000 đồng và 400.000 đồng. Sau khi mua ma túy, N và T1 bị Tổ tuần tra Công an quận Liên Chiểu kiểm tra hành chính và phát hiện thu giữ trên người N 01 gói nhựa cứng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy (kí hiệu là G1). Thu giữ trên người T1 02 gói nhựa cứng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy (kí hiệu là G2). Qua khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Lê Tấn T tại Phòng 102 nhà nghỉ A1, phường M, quận Liên Chiểu, Tp.Đà Nẵng, Cơ quan điều tra đã phát hiện tại phòng 102 lúc này có Lê Tấn T, Trần Thị Bích

L1 và Nguyễn Hữu T3 và thu giữ 02 gói nhựa cứng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy (kí hiệu A1, A2-thu giữ của Lê Tấn T), 03 ống nhựa cứng bên trong có 05 viên nén màu hồng nghi là chất ma túy (kí hiệu A3-thu giữ của Nguyễn Hữu T3) và các dụng cụ khác dùng cho việc sử dụng ma túy. Lê Tấn T khai nhận đã mua ma túy của một thanh niên tên T4 (không rõ lai lịch) tại khu vực gần chợ Nam Ô, phường N, quận Liên Chiểu để sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác để kiếm lời. Ngoài những lần bán ma túy như đã nêu trên, Lê Tấn T khai nhận đã 20 lần trực tiếp bán trái phép chất ma túy, trong đó bán cho Nguyễn Văn T1 06 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng; bán cho Trần Thị Bích L1 04 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng; bán cho Nguyễn Hữu T3 10 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Tổng số tiền bán ma túy là 8.100.000 đồng.

*Theo Kết luận giám định số 532/GĐ-MT ngày 28/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Tp.Đà Nẵng kết luận: Tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu G1, G2, A1, A2 gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine có trọng lượng: G1: 0,198 gam; G2: 0,201 gam; A1: 2,269 gam; A2: 0,146 gam. Tổng trọng lượng là 2,814 gam. 05 viên nén màu hồng trong mẫu ký hiệu A3 gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine có trọng lượng: 0,471 gam.

Tang vật thu giữ:

- Toàn bộ chất ma túy hoàn trả sau khi giám định đã được niêm phong; 03 ống nhựa cứng; 01 bình nhựa trên nắp có gắn 01 ống hút và 01 ống thủy tinh; 01 bình nhựa trên phần thân có đục lỗ gắn một tờ giấy; một điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng gắn sim 0903532495; tiền Việt Nam 4.900.000đồng tạm giữ của Lê Tấn T. Những vật chứng này chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu tạm thời quản lý.

- 01 xe mô tô BKS 43F1-344.87 do bà Đinh Thị L – Mẹ ruột Lê Tấn T đứng tên chủ sở hữu; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng gắn sim 0886.444.567; một chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu T3 và 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu đỏ gắn sim 0905.491.598; tiền Việt Nam 1.000.000đồng-tạm giữ của Trần Thị Bích L1. Những vật chứng này cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định: Bị cáo Lê Tấn T phạm tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**.

- Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015.

Xử phạt: bị cáo **Lê Tấn T 10 (mười) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2017.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý tang vật, án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 28/01 /2018, bị cáo Lê Tấn T có đơn kháng cáo với nội dung: xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về phần thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Tấn T có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo thì thấy: Bị cáo Lê Tấn T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên Bản án sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng tội. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của bị cáo, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Lê Tấn T 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Tấn T đã thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 là đúng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo Lê Tấn T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Vào ngày 21/9/2017, tại khu vực phường B, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Lê Tấn T đã có hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng là Hồ Thanh N và Nguyễn Văn T1. Tang vật thu giữ là hai gói ma túy ký hiệu G1, G2 và qua khám xét nơi Lê Tấn T thuê trọ thu giữ hai gói nhựa cứng ma túy có ký hiệu A1, A2. Tổng trọng lượng là 2,814gam. Ngoài ra bị cáo Lê Tấn T còn khai nhận đã 20 lần bán ma túy trái phép cho nhiều người nên bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như Bản án sơ thẩm số 05/2018/HSST ngày 17/01/2018 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Tấn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Lê Tấn T đã có một tiền sự về sử dụng trái phép chất ma túy. Trước khi bị bắt bị cáo T đã 20 lần mua bán trái phép chất ma túy cho nhiều người. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới là gia đình ông bà nội bị cáo được nhận bằng khen tặng “Gia đình có công chống Mỹ cứu nước”, nhưng xét thấy cấp sơ thẩm xử 10 năm là phù hợp, không nặng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355,

Điều 356, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tấn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc hướng dẫn thi hành BLHS 2015 đối với bị cáo Lê Tấn T được áp dụng tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Tấn T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Tấn T** phạm tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**”.

- Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

2/ Xử phạt: bị cáo **Lê Tấn T 10 (mười) năm tù** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/9/2017.

3. Về án phí: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Lê Tấn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Công an quận Liên Chiểu ;
- TAND quận Liên Chiểu ;
- Chỉ cục THA quận Liên Chiểu ;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Đức Kỳ

